|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH HÓA****ĐỀ THI CHÍNH THỨC****Mã đề thi: 601** | **KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH LỚP 12** **(LẦN 1) NĂM HỌC 2022 - 2023****Môn thi: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài:50 phút, không kể thời gian phát đề**(Đề thi có 04 trang, gồm 40 câu)* |

Họ, tên thí sinh:.....................................................; Số báo danh:..........................................................

Chữ ký của cán bộ coi thi 1: .................................; Chữ ký của cán bộ coi thi 2: ................................

**Câu 1:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có số lượng gia cầm trên 9 triệu con?

 **A.** Quảng Bình. **B.** Quảng Trị. **C.** Nghệ An. **D.** Hà Tĩnh.

**Câu 2:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đỉnh núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

 **A.** Pu Tha Ca. **B.** Phu Luông. **C.** Khoan La San. **D.** Pu Si Lung.

**Câu 3:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

 **A.** Ngọc Linh. **B.** Vọng Phu. **C.** Kon Ka Kinh. **D.** Lang Bian.

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết Crôm có ở nơi nào sau đây?

 **A.** Quỳ Châu. **B.** Thạch Khê. **C.** Cổ Định. **D.** Tiền Hải.

**Câu 5:** Vùng núi nằm giữa sông Hồng và sông Cả là

 **A.** Trường Sơn Bắc. **B.** Tây Bắc. **C.** Đông Bắc. **D.** Trường Sơn Nam.

**Câu 6:** Hai bể dầu khí có trữ lượng lớn nhất hiện đang được khai thác ở nước ta là

 **A.** Sông Hồng và Trung Bộ. **B.** Cửu Long và Sông Hồng.

 **C.** Nam Côn Sơn và Cửu Long. **D.** Nam Côn Sơn và Thổ Chu - Mã Lai.

**Câu 7:** Quá trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra

 **A.** khá nhanh, trình độ đô thị hóa cao. **B.** chậm, trình độ đô thị hóa thấp.

 **C.** khá muộn nhưng trình độ rất cao. **D.** rất nhanh, trình độ đô thị hóa thấp.

**Câu 8:** Vị trí địa lí và hình thể nước ta đã tạo nên

 **A.** tài nguyên khoáng sản phong phú. **B.** sự phân hóa đa dạng của tự nhiên.

 **C.** địa hình có tính phân bậc rõ rệt. **D.** khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh.

**Câu 9:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô lớn nhất?

 **A.** Quy Nhơn. **B.** Vũng Tàu. **C.** Nam Định. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 10:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp chiếm trên 50% so với tổng diện tích gieo trồng?

 **A.** Quảng Trị. **B.** Kon Tum. **C.** Nghệ An. **D.** Gia Lai.

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây có số dân từ 500.001 đến 1.000.000 người?

 **A.** Cần Thơ. **B.** Nha Trang. **C.** Đà Lạt. **D.** Hải Phòng.

**Câu 12:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết cây công nghiệp nào sau đây **không** có ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Cao su. **B.** Chè. **C.** Cà phê. **D.** Điều.

**Câu 13:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết rừng ôn đới núi cao có ở vùng núi nào sau đây?

 **A.** Trường Sơn Nam. **B.** Trường Sơn Bắc. **C.** Tây Bắc. **D.** Đông Bắc.

**Câu 14:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất?

 **A.** Sông Thái Bình. **B.** Sông Ba. **C.** Sông Cả. **D.** Sông Thu Bồn.

**Câu 15:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?

 **A.** Tháng XII. **B.** Tháng X. **C.** Tháng IX. **D.** Tháng XI.

**Câu 16:** Bộ phận vùng biển của nước ta có diện tích lớn nhất là vùng

 **A.** nội thủy. **B.** lãnh hải. **C.** tiếp giáp lãnh hải. **D.** đặc quyền kinh tế.

**Câu 17:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết gió mùa mùa hạ khi thổi đến Bắc Bộ có hướng nào sau đây?

 **A.** Tây bắc. **B.** Tây nam. **C.** Đông nam. **D.** Đông bắc.

**Câu 18:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **In-đô-nê-xi-a** | **Cam-pu-chia** | **Ma-lai-xi-a** | **Phi-lip-pin** |
| Diện tích *(nghìn km2)* | 1916,9 | 181,0 | 330,3 | 300,0 |
| Dân số *(triệu người)* | 271,7 | 15,5 | 32,8 | 109,6 |

*(Nguồn: Niên giám thông kê Việt Nam 2020, NXB Thông kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất?

 **A.** In-đô-nê-xi-a. **B.** Cam-pu-chia. **C.** Ma-lai-xi-a. **D.** Phi-lip-pin.

**Câu 19:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết thành phố nào sau đây là tỉnh lị của Đồng Tháp?

 **A.** Vị Thanh. **B.** Mỹ Tho. **C.** Cao Lãnh. **D.** Long Xuyên.

**Câu 20:** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

 **A.** hoạt động của gió phơn. **B.** địa hình thấp dần ra biển.

 **C.** địa hình nhiều đồi núi. **D.** vị trí trong vùng nội chí tuyến.

**Câu 21:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 16, cho biết dân tộc nào sau đây có số dân ít nhất?

 **A.** Mường. **B.** Tày. **C.** Ơ-đu. **D.** Thái.

**Câu 22:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng tây bắc - đông nam?

 **A.** Bạch Mã. **B.** Trường Sơn Nam. **C.** Hoàng Liên Sơn. **D.** Đông Triều.

**Câu 23:** Biểu hiện tính đa dạng của địa hình ven biển nước ta là có nhiều

 **A.** đầm phá và các bãi cát phẳng. **B.** dạng địa hình khác nhau ở ven biển.

 **C.** đảo ven bờ và quần đảo xa bờ. **D.** vịnh cửa sông và bờ biển mài mòn.

**Câu 24:** Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta đang có sự biến đổi nhanh chóng chủ yếu do

 **A.** thực hiện chính sách dân số, mức sống tăng. **B.** quy mô dân số tăng nhanh, lao động đông.

 **C.** phát triển giáo dục và nâng cao mức sống. **D.** dân số trẻ, nguồn lao động tăng rất nhanh.

**Câu 25:** Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ nước ta đang chuyển dịch theo hướng

 **A.** hình thành các vùng chuyên canh lớn. **B.** giảm tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước.

 **C.** có nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời. **D.** tăng tỉ trọng của công nghiệp chế biến.

**Câu 26:** Tính đa dạng sinh học ở nước ta được biểu hiện qua

 **A.** vùng phân bố sinh vật, số lượng thành phần loài và kiểu hệ sinh thái.

 **B.** tính đa dạng thành phần loài, chất lượng hệ sinh thái, các nguồn gen.

 **C.** chất lượng hệ sinh thái, các nguồn gen quý, số lượng thành phần loài.

 **D.** số lượng thành phần loài, các kiểu hệ sinh thái và các nguồn gen quý.

**Câu 27:** Cho biểu đồ:



GDP CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A NĂM 2015 VÀ 2020

*(Nguồn:Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi GDP năm 2020 so với năm 2015 của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a?

 **A.** Ma-lai-xi-a tăng và In-đô-nê-xi-a giảm.

 **B.** Ma-lai-xi-a tăng gấp hơn 5 lần In-đô-nê-xi-a.

 **C.** In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a.

 **D.** Ma-lai-xi-a tăng nhiều hơn In-đô-nê-xi-a.

**Câu 28:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| Diện tích *(nghìn ha)* | 101,6 | 152,0 | 140,2 | 131,8 |
| Sản lượng *(nghìn tấn)* | 176,8 | 252,6 | 264,8 | 270,2 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Miền. **B.** Đường. **C.** Cột. **D.** Kết hợp.

**Câu 29:** Thu nhập của lao động nước ta thuộc loại thấp so với thế giới là do

 **A.** năng suất lao động còn ở mức thấp. **B.** phần lớn lao động làm việc trong ngành dịch vụ.

 **C.** phần lớn lao động sản xuất tiểu thủ công nghiệp. **D.** lao động chỉ chuyên sâu một nghề.

**Câu 30:** Biện pháp phòng tránh bão có hiệu quả nhất ở nước ta hiện nay là

 **A.** củng cố hệ thống công trình đê biển. **B.** kịp thời sơ tán dân cư đến nơi trú ẩn.

 **C.** cảnh báo sớm cho các tàu, thuyền. **D.** tăng cường thiết bị dự báo chính xác.

**Câu 31:** Dân cư nước ta tập trung đông đúc ở khu vực đồng bằng chủ yếu do

 **A.** kinh tế phát triển, địa hình bằng phẳng. **B.** diện tích đất rộng, có nhiều khoáng sản.

 **C.** chủ yếu trồng lúa, nhiều dân tộc sinh sống. **D.** nhiều dân tộc sinh sống, diện tích đất rộng.

**Câu 32:** Thành phần kinh tế Nhà nước có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta hiện nay là do

 **A.** chi phối hoạt động của tất cả các ngành kinh tế.

 **B.** có số lượng doanh nghiệp lớn nhất cả nước.

 **C.** nắm giữ các ngành kinh tế then chốt của quốc gia.

 **D.** chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.

**Câu 33:** Vào mùa đông cảnh quan thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có đặc điểm

 **A.** mùa đông lạnh, tất cả các loài cây đều rụng lá.

 **B.** mùa đông lạnh, không mưa, nhiều loài cây rụng lá.

 **C.** mùa đông lạnh, mưa nhiều, nhiều loài cây rụng lá.

 **D.** mùa đông lạnh, mưa ít, nhiều loài cây rụng lá.

**Câu 34:** Phương hướng quan trọng nhất nhằm giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay là

 **A.** chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế và đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa.

 **B.** hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất và thu hút nguồn vốn đầu tư lớn.

 **C.** đẩy mạnh xuất khẩu lao động và mở rộng, đa dạng hóa loại hình đào tạo các cấp.

 **D.** kiểm soát tốc độ gia tăng dân số, phân bố lại dân cư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.

**Câu 35:** Các đô thị là nơi sản xuất hàng hóa lớn chủ yếu là do

 **A.** có sức hút các nhà đầu tư, giao thông phát triển, nhiều khoáng sản.

 **B.** có sức hút các nhà đầu tư, có tài nguyên thiên nhiên phong phú.

 **C.** tạo ra động lực cho sự tăng trưởng, giàu có tài nguyên thiên nhiên.

 **D.** lực lượng lao động có chuyên môn cao, cơ sở kĩ thuật hiện đại.

**Câu 36:** Khí hậu phần lãnh thổ phía Nam phân thành hai mùa rõ rệt chủ yếu do tác động kết hợp của

 **A.** Vị trí địa lí, hoạt động của các loại gió và yếu tố địa hình.

 **B.** Vị trí địa lí, Tín phong bán cầu Bắc và dãy Trường Sơn Nam.

 **C.** Tín phong đông bắc, dải hội tụ nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới.

 **D.** gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và độ cao địa hình.

**Câu 37:** Cho biểu đồ:

**Tình hình phát triển ngành thủy sản nước ta, giai đoạn 2010 - 2019**



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Quy mô sản lượng khai thác, nuôi trồng và tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng.

 **B.** Cơ cấu sản lượng khai thác, nuôi trồng và tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng.

 **C.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng khai thác, nuôi trồng và tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng.

 **D.** Quy mô, cơ cấu sản lượng khai thác, nuôi trồng và tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng.

**Câu 38:** Hoạt động của gió Tín phong bán cầu Bắc từ tháng XI đến tháng IV năm sau đã làm cho khí hậu nước ta có

 **A.** kiểu thời tiết lạnh khô ở miền Bắc, tạo thành mùa mưa cho Nam Bộ.

 **B.** kiểu thời tiết nắng ấm ở miền Bắc, mùa khô cho Nam Bộ và Tây Nguyên.

 **C.** kiểu thời tiết lạnh ẩm ở miền Bắc, mùa mưa kéo dài cho Nam Trung Bộ.

 **D.** mùa khô sâu sắc cho vùng ven biển Trung Bộ, Nam Bộ, Tây Nguyên.

**Câu 39:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho địa hình cacxtơ khá phổ biến ở nước ta là

 **A.** bề mặt đá vôi, khí hậu nhiệt đới, có lượng mưa và độ ẩm lớn.

 **B.** khí hậu nhiệt đới ẩm, địa hình đồi núi dốc, mất lớp phủ thực vật.

 **C.** bề mặt đá vôi, mất lớp phủ thực vật, có lượng mưa và độ ẩm lớn.

 **D.** địa hình đồi núi, lượng mưa và độ ẩm lớn, mất lớp phủ thực vật.

**Câu 40:** Nguyên nhân chủ yếu làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm cây công nghiệp ở nước ta hiện nay là

 **A.** phương thức sản xuất còn lạc hậu. **B.** sử dụng vật tư trong sản xuất còn ít.

 **C.** giống cây công nghiệp chất lượng thấp. **D.** công nghệ chế biến còn hạn chế.

**------------------------ HẾT ------------------------**

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

*Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam của Nhà xuất bản Giáo dục từ 2009 đến nay.*

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **C** | **6** | **C** | **11** | **A** | **16** | **D** | **21** | **C** | **26** | **D** | **31** | **A** | **36** | **A** |
| **2** | **A** | **7** | **B** | **12** | **B** | **17** | **C** | **22** | **C** | **27** | **C** | **32** | **C** | **37** | **A** |
| **3** | **A** | **8** | **B** | **13** | **C** | **18** | **B** | **23** | **B** | **28** | **B** | **33** | **D** | **38** | **B** |
| **4** | **C** | **9** | **B** | **14** | **D** | **19** | **C** | **24** | **A** | **29** | **A** | **34** | **D** | **39** | **A** |
| **5** | **B** | **10** | **D** | **15** | **B** | **20** | **D** | **25** | **A** | **30** | **D** | **35** | **D** | **40** | **D** |